



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN PHÚ TRỌNG:

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh soi sáng con đường đi tới tương lai của dân tộc Việt Nam

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

12 HÀ BAN:

Xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới

28 TẠ NGỌC TẤN:

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay

45 ÒN-KEO VÙT-THÌ-LẠT: :

Củng cố bộ máy tinh gọn, vững mạnh và phù hợp thực tiễn ở Lào

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

58 NGUYỄN VIỆT THẢO:

Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong tình hình mới

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

72 Góp phần hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân



DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SOI SÁNG CON ĐƯỜNG

ĐI TỚI TƯƠNG LAI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ Quốc gia 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 50 năm Ngày mất của Người (2/9/1969 - 2/9/2019).

Thưa đồng bào, đồng chí,

Hôm nay, trong không khí hào hùng và xúc động của những ngày mùa Thu Hà Nội, kỷ niệm 74 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta họp mặt tại đây để trọng thể kỷ niệm 50 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta, đi vào cõi vĩnh hằng và 50 năm thực hiện Di chúc của Người.

Với tất cả lòng thành kính và xiết bao thương nhớ Bác, trong thời khắc thiêng liêng và ý nghĩa này, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với công lao trời biển của Chủ tịch Hồ

Chí Minh - Lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc ta, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Trước lúc đi xa, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bản Di chúc thiêng liêng, một văn kiện lịch sử cực kỳ quan trọng, kết tinh tư tưởng, văn hoá, trí tuệ, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của một bậc vĩ nhân, người “đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”.

Thưa đồng bào, đồng chí,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian và tâm huyết tự mình lặng lẽ chuẩn bị rất công phu và chu

đáo để hoàn thành bản Di chúc trong vòng bốn năm (từ năm 1965 đến năm 1969), giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta đang diễn ra rất ác liệt, đầy gian khổ, hy sinh. Chỉ với hơn một nghìn từ, vô cùng ngắn gọn, Di chúc của Người đã truyền cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ý chí và quyết tâm sắt đá, niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh vĩ đại của dân tộc Việt Nam, sức mạnh của chính nghĩa và chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Trong Di chúc, Người khẳng định: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Dự báo thiên tài đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm trở thành hiện thực, thể hiện tầm cao trí tuệ uyên bác và tri thức thực tiễn hết sức phong phú, sâu sắc, nắm vững và làm chủ quy luật vận động khách quan của Người.

Thư đồng bào, đồng chí,

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà tổ chức thiên tài,

đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Trong Di chúc, Người “trước hết nói về Đảng”, căn dặn những vấn đề trọng yếu nhất về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta luôn là một đảng mácxít chân chính, “là đạo đức, là văn minh”, đại biểu cho trí tuệ, lương tâm và phẩm giá của dân tộc Việt Nam.

Với tầm nhìn sâu rộng, nhãn quan chính trị nhạy bén, sáng suốt, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi,... việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”.

Trong Di chúc, Người căn dặn, “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”. Đoàn kết làm nên sức mạnh, là cội nguồn của mọi thành công mà nhờ đó, “từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta

hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. Muốn xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trước hết phải có sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng. Đoàn kết trong Đảng là tiền đề, là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở để phát huy, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, là tiền đề thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng xã hội mới. Đoàn kết còn góp phần ngăn ngừa nguy cơ suy thoái của Đảng cầm quyền. Do đó, trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, từ Trung ương đến chi bộ, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”; thường xuyên và nghiêm chỉnh thực hành tự phê bình và phê bình có lý, có tình, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Đồng thời, phải đề cao và “thực hành dân chủ rộng rãi” trong hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, để tập hợp lực lượng cách mạng, phát huy trí tuệ, tiềm năng, sức sáng tạo của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng, cho đến khi trước lúc đi xa, mối quan tâm hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng Đảng về đạo đức. Trong Di chúc, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”. Những chỉ dạy của Người vừa là sự tổng kết sâu sắc về lý luận, vừa là vấn đề mang tính nguyên tắc để giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo nên sức mạnh quy tụ lực lượng, củng cố và nâng cao niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, với cách mạng.

Thư đồng bào, đồng chí,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiến dâng trọn đời mình cho mục tiêu cao cả độc lập, tự do của Tổ quốc ta, ấm no, hạnh phúc của nhân dân ta và những giá trị nhân văn, cao quý của nhân loại. Trong tư tưởng Hồ Chí

Minh, nổi bật và xuyên suốt là tư tưởng giải phóng dân tộc đồng thời với giải phóng xã hội, giải phóng con người, mở ra những triển vọng mới to lớn để phát triển con người và xã hội. Trong Di chúc, Người đặc biệt nhấn mạnh “Đầu tiên là công việc đối với con người”, Người chỉ rõ, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phải ra sức và mau chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, chăm lo giải quyết các vấn đề chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa,... và kiến thiết, xây dựng đất nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Người cho rằng, đó là “cuộc chiến đấu khổng lồ” và “là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn, nhưng cũng rất vẻ vang”. Vì vậy, Đảng phải huy động được hết trí tuệ, sức mạnh toàn dân tộc, “phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”, đồng thời “phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng và chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”.

Di chúc cho thấy tầm nhìn xa trông rộng, thấm đậm và tràn đầy

tinh thần nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự nghiệp giải phóng và phát triển con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến từng đối tượng cụ thể, nhất là chăm lo thế hệ trẻ. Người căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Đó là sự quan tâm chăm lo phát triển toàn diện con người Việt Nam, với tất cả phẩm chất chân - thiện - mỹ, có đức, có tài, trước hết là bồi đắp về nhân cách, tu dưỡng đạo đức cá nhân, giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn trong sáng, cao đẹp của con người Việt Nam. Một Hồ Chí Minh đầy bao dung, nhân ái, suốt đời dành tình yêu thương trọn vẹn đối với mọi tầng lớp nhân dân và toàn thể nhân loại như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Bác ơi tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người”.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một người cộng sản Việt Nam mẫu mực, mà còn là người chiến sĩ cộng sản quốc tế trong sáng, thuỷ chung, là biểu tượng vĩ đại, sáng ngời và lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, của đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, của hoà bình và hữu nghị giữa các

dân tộc. Trong Di chúc, khi bàn về vấn đề quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện một tầm nhìn lớn lao, một nhãn quan văn hóa rất mực nhân văn, sâu sắc và tinh tế. Người quan tâm tới việc củng cố sự đoàn kết trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và ra sức thúc đẩy sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Đó là nhãn quan và đức độ của một danh nhân văn hóa thế giới. Tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người là hiện thân của những khát vọng lớn lao của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của dân tộc mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Thư đồng bào, đồng chí,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ. Trọn đời Người vì nước, vì dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người là biểu tượng, là tấm gương ngời sáng về đạo đức cách mạng “cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã hun đúc nên sự nghiệp Hồ

Chí Minh, thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất, vinh quang nhất trong lịch sử dân tộc ta.

Trong những lời cuối của Di chúc, Người nói “về việc riêng”. Dù nói về việc riêng, nhưng vẫn hàm chứa trong đó biết bao suy tư, trăn trở, vẫn toát lên suy nghĩ và hành động lo cho nước, cho dân; cho thấy, Người trọn đời “chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Vĩnh biệt chúng ta, Bác không có gì dành cho riêng mình, ngoài những điều sâu sắc nhất, lớn lao nhất, vĩ đại nhất dành cho nhân dân, cho đất nước và Người chỉ tiếc là tiếc rằng “không được phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”. Đó là lý tưởng chính trị, là văn hóa đạo đức và chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Thư đồng bào, đồng chí,

50 năm qua, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Di chúc của Người luôn đồng hành cùng dân tộc, soi rọi, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn kiên định và trung thành với

sự nghiệp, lý tưởng cách mạng của Người, kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng vĩ đại mà Người đã trọn đời cống hiến và hy sinh; mang lá cờ bách chiến bách thắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tới đích cuối cùng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, nghị lực và ý chí toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, quân và dân ta đã giành được thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, thu non sông về một mối, “thỏa lòng mong ước của Người”.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đặc biệt qua hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, nhờ phát huy được sức mạnh toàn dân tộc, với sự chung sức, đồng lòng phấn đấu không ngừng của lớp lớp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đất nước ta đã đạt những thành tựu to lớn, có nghĩa lịch sử.

Thành tựu của công cuộc đổi mới đã tạo ra những điều kiện, tiền đề thuận lợi để đất nước ta vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa

xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đã minh chứng cho năng lực lãnh đạo, cầm quyền và bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng ta, sức mạnh vĩ đại và tài năng sáng tạo của nhân dân ta. Chúng ta có thể tự hào và tin tưởng báo cáo với Bác, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã xây dựng đất nước ta mười lần to đẹp hơn và “ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong muốn của Người. Điều đó càng củng cố thêm niềm tin của chúng ta vào thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Thư đồng bào, đồng chí,

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn để giữ vững vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền và sức chiến đấu, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. 50 năm qua, Đảng đã ra sức giữ gìn, củng cố sự đoàn kết nhất trí của Đảng, tăng cường đoàn kết trong Đảng làm hạt nhân cho đại đoàn kết toàn dân; “thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”, tăng cường, củng cố mối quan hệ mật thiết, gắn

bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân; ra sức củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; đề cao kỷ luật nghiêm minh và tự giác. Những năm qua, bằng quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kiên trì và đồng bộ, đã tạo ra những chuyển biến tích cực, kết quả rõ rệt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức của hệ thống chính trị. Qua đó, đã góp phần quan trọng củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng.

Từ quá trình thực hiện những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc đã khẳng định, Đảng ta có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, luôn ý thức được sứ mệnh, trọng trách của mình trước nhân dân, trước vận mệnh của dân tộc. Từ thực tiễn 50 năm thực hiện Di chúc, chúng ta có cơ sở vững chắc để khẳng định, muốn xây dựng, chỉnh đốn Đảng có hiệu quả, ngăn ngừa được những suy

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, phải thực sự thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người.

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 50 năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã thấm nhuần sâu sắc và phát huy tinh cảm quốc tế trong sáng, thuỷ chung của Người, trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung của thời đại; tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới. Với đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

50 năm thực hiện Di chúc là một chặng đường lịch sử quan trọng

trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo, khẳng định dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng, kiên định con đường cách mạng mà Đảng ta, nhân dân ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta những bài học lịch sử hết sức quý báu. Đó là bài học nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đó là bài học không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Đó là bài học sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thư đồng bào, đồng chí,

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại

hội XII của Đảng, tích cực chuẩn bị những công việc cần thiết tiến tới tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Chúng ta tự hào với tất cả những gì chúng ta đã đạt được, song cũng không khỏi trăn trở, day dứt trước những gì chúng ta chưa làm được hoặc làm chưa trọn vẹn. Không ít những khuyết điểm, yếu kém và khó khăn, thách thức đang cản trở tiến trình đổi mới, xây dựng đất nước, nếu không kiên quyết, kiên trì ngăn chặn, đẩy lùi sẽ đe dọa tới vận mệnh của Tổ quốc, sự sống còn của chế độ và vai trò lãnh đạo của Đảng. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu, ra sức phát huy ưu điểm, sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, yếu kém, tuyệt đối không chủ quan, tự mãn, không say sưa với thắng lợi, hay bi quan dao động trước thử thách, khó khăn.

Ý thức được vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng ta càng cần phải thấm nhuần sâu sắc những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hơn bao giờ hết, càng cần phát huy truyền thống và bản chất tốt đẹp của

Đảng ta, với quyết tâm chính trị cao, kiên quyết, kiên trì đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” nội bộ; chăm lo xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, xứng đáng là đội tiên phong, là Đảng cầm quyền, ngang tầm nhiệm vụ. Thấm nhuần phương châm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, chúng ta quyết tận dụng tốt nhất thời cơ, vận hội, hóa giải kịp thời những nguy cơ và vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh theo tâm nguyện của Người.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nguyện kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiếp tục thực hiện lý tưởng cao cả của Người; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ

quốc; xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Chúng ta nguyện “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”, tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm hạt nhân cho khối đại đoàn kết toàn dân; tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người.

Thư đồng bào, đồng chí,

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi với non sông đất nước, với nhân dân ta. Di chúc của Người toả sáng giá trị dân tộc và thời đại, thấm đậm văn hóa và nhân văn Hồ Chí Minh, mãi mãi là ngọn cờ quy tụ sức mạnh toàn dân tộc, đã, đang và sẽ tiếp thêm sức mạnh, nguồn năng lượng to lớn cho Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam muôn vàn yêu quý của chúng ta.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta! ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

XÂY DỰNG TỔ CHỨC BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● TS HÀ BAN

*Ủy viên Trung ương Đảng,**Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương*

1. Xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là vấn đề rất lớn, rất quan trọng nhưng cũng rất khó, rất phức tạp và nhạy cảm, liên quan mật thiết đến những vấn đề lý luận cơ bản về phương thức lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân; về đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế; về quan hệ giữa nhà nước, thị

trường và xã hội; liên quan đến quyền lợi, tâm tư, tình cảm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Trong mấy nhiệm kỳ đại hội Đảng gần đây, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều chủ trương nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cải cách tiền lương và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết quan trọng này.

Từ thực tiễn xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị những năm

vừa qua và kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Trung ương từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, Việt Nam đã và đang tập trung vào một số định hướng lớn, có thể khái quát thành một số kinh nghiệm sau đây:

Một là, phải thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, phải bảo đảm nguyên tắc đổi mới, tổng thể, hệ thống, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; đổi mới tích cực, mạnh mẽ, nhưng không được phép nôn nóng từ cực này nhảy sang cực kia; gắn đổi mới bộ máy tổ chức với đổi mới phương thức lãnh đạo, với tinh giản biên chế và cải cách tiền lương; xử lý hài hoà mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

Thứ hai, để xây dựng tổ chức bộ

máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phải xác định rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn; đồng thời, phải có quyết tâm cao, phân định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành.

Thực tế những năm vừa qua cho thấy, sau khi Ban Chấp hành Trung ương có Nghị quyết số 18-NQ/TW, với quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác xây dựng tổ chức bộ máy ở các cấp, các ngành được triển khai rất hiệu quả. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 56/2017/QH14, ngày 24/11/2017 “Về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14, ngày 04/10/2018 “Về việc thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND cấp tỉnh”. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 03/02/2018 “Về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW”, đồng thời quyết liệt chỉ đạo việc thực hiện. Tổng hợp số liệu bước đầu trong

hơn nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, toàn hệ thống chính trị đã giảm 03 ban chỉ đạo, 09 tổng cục và tương đương, 201 cục, vụ và tương đương, 65 ban, sở, ngành cấp tỉnh, 6.954 phòng và tương đương; giảm hơn 50 lãnh đạo cấp tổng cục, trên 300 lãnh đạo cấp cục, vụ; 172 lãnh đạo ban, sở, ngành cấp tỉnh và tương đương, 9.332 lãnh đạo phòng.

Thứ ba, xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng trong sạch, vững mạnh gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao năng lực cầm quyền.

Chú trọng hoàn thiện hệ thống quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác và quy chế làm việc của cấp ủy các cấp. Quy định rõ về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, điều kiện, quy trình hợp lý để lựa chọn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp. Hướng mạnh về cơ sở, chú trọng việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để

tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và quản lý chặt chẽ đội ngũ đảng viên. Chú ý đẩy mạnh xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước. Thực hiện thống nhất văn phòng cấp ủy phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh; trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Hợp nhất một số cơ quan tham mưu của Đảng, như hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động các cơ quan tham mưu của cấp ủy các cấp; hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy từ Trung ương đến địa phương.

Thứ tư, kiện toàn tổ chức bộ máy của Quốc hội, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Tăng tỉ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách theo mục tiêu đã đề ra; nghiên cứu việc giảm hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm công tác ở các cơ quan hành pháp. Quy định số lượng với tỉ lệ hợp lý giữa lãnh đạo, ủy viên thường trực, ủy viên chuyên trách của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội theo hướng giảm số lượng. Sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bên trong của Văn phòng Quốc hội. Phát huy vai trò quan trọng của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc xem xét để Quốc hội thông qua các dự án luật và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Thứ năm, xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ.

Xây dựng tổ chức bộ máy Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại. Tổ chức bộ máy Chính phủ tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, luật pháp, cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong đối với các bộ, ngành, cơ quan

thuộc Chính phủ; giảm cơ bản số lượng tổng cục, cục, vụ, phòng; không thành lập tổ chức mới, không thành lập phòng trong vụ, giảm tối đa các ban quản lý dự án. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác giữa các bộ, ngành và các tổ chức trực thuộc các bộ, ngành; kiên quyết khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Tuân thủ nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Hợp nhất, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối, giảm biên chế; đẩy mạnh khoán kinh phí theo nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra. Chuyển một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; phát huy tính chủ động, sáng tạo, để cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

Thứ sáu, xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh.

Tiếp tục đổi mới mô hình chính quyền địa phương theo đúng yêu cầu của Hiến pháp và pháp luật. Rà soát lại bộ máy các sở, ban, ngành ở địa phương để kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, thực hiện quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Hoàn thiện thể chế chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo; giảm số lượng cấp phó, nâng cao chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân. Quy định khung số lượng các cơ quan trực thuộc chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện và khung số lượng cấp phó của các cơ quan này, làm căn cứ để các cấp uỷ địa phương lãnh đạo việc sắp xếp, bố trí cho phù hợp. Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các sở, ngành theo hướng kiên quyết cắt giảm số lượng đầu mối trực thuộc. Tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp. Quy

định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đặc thù của địa phương và bảo đảm giảm biên chế. Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; khuyến khích việc sáp nhập, tăng quy mô các đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

Thứ bảy, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với đổi mới nội dung, phương thức hoạt động.

Đẩy mạnh việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của từng tổ chức; kiên quyết cắt giảm số lượng ban, phòng có chức năng, nhiệm vụ trùng lặp, chồng chéo, hoạt động kém hiệu quả; sắp xếp, tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp hoạt động không hiệu quả. Đẩy mạnh việc tinh giản biên chế, cơ

cấu lại đội ngũ cán bộ chuyên trách các cấp. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước và quản lý tài chính; nghiêm túc thực hiện việc khoán kinh phí để phát huy tính tích cực, chủ động và tự chủ; tăng cường sử dụng đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Quy định chặt chẽ việc thành lập tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng. Thực hiện nghiêm túc và nhất quán nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và tuân thủ pháp luật; Nhà nước chỉ cấp kinh phí để thực hiện những nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao. Tiếp tục hoàn thiện và nhân rộng mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố dưới sự chủ trì của Mặt trận Tổ quốc, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, sự quản lý của chính quyền. Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phải gắn với đổi mới căn bản về nội dung, phương thức hoạt động theo hướng tập trung cho cơ sở, gắn bó với đoàn

viên, hội viên, từng bước khắc phục “hành chính hoá” trong hoạt động và tình trạng “công chức hoá” đội ngũ cán bộ.

Thứ tám, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện một số thí điểm trong xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

Điểm mới đáng chú ý trong những năm vừa qua là đối với những việc đã rõ, cần thực hiện thì thực hiện ngay; những việc mới, chưa được quy định, hoặc những việc đã có quy định nhưng không còn phù hợp thì Trung ương đã mạnh dạn chỉ đạo thực hiện thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, từng bước hoàn thiện, mở rộng dần, không cầu toàn, nhưng cũng không chủ quan, nóng vội. Theo đó, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thí điểm một số mô hình mới như: (1) Văn phòng cấp uỷ phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ cấp tỉnh; (2) Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; (3) Hợp nhất văn phòng cấp uỷ với văn phòng hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (4) Thực hiện kiêm nhiệm chức danh người đứng

đầu hoặc hợp nhất một số cơ quan của Đảng và chính quyền, cơ quan của Đảng và Mặt trận Tổ quốc có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp tỉnh, cấp huyện những nơi có đủ điều kiện; (5) Bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp; (6) Bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ở những nơi có đủ điều kiện; (7) Tổng kết mô hình cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện; mở rộng thí điểm ở cấp tỉnh và thực hiện ở cấp huyện những nơi có đủ điều kiện...

Thứ chín, để đảm bảo hiệu quả đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, phải thực sự phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị và nhân dân.

Cần tiếp tục phát huy vai trò chủ động, tích cực vào cuộc các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị. Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị không phải xuất phát từ lợi ích riêng của từng tổ chức, mà xuất phát từ lợi ích chung của cả đất nước. Lòng dân là tài sản quý giá của Đảng, do

đó quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở từng cấp, từng ngành phải thực sự dựa vào nhân dân, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Thông qua đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tiếp tục hình thành các cơ chế, chính sách, biện pháp để mỗi tổ chức trong bộ máy phục vụ nhân dân tốt hơn, chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân về hiệu quả hoạt động của tổ chức mình.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều chủ trương, nghị quyết nhằm đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Công tác cán bộ đã bám sát các quan điểm, nguyên tắc của Đảng, ngày càng đi vào nền nếp. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, quy định, quy chế, được Quốc hội, Chính phủ thể chế hóa, cụ thể hóa thành luật, nghị định; sửa đổi, bổ sung nhiều quy định, quy chế để

thực hiện. Các quy trình trong công tác cán bộ đã có nhiều đổi mới, ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, công khai, minh bạch và dân chủ hơn.

Nhờ thực hiện đồng bộ, quyết liệt các chỉ đạo của Trung ương, đội ngũ cán bộ các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn. Số cán bộ có trình độ đại học, sau đại học tăng nhanh. Trình độ, năng lực và kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ cán bộ có nhiều tiến bộ. Số lượng cán bộ được quy hoạch khá dồi dào, cơ bản, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng giữa các thế hệ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả quan trọng đạt được, công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ những năm qua còn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Công tác cán bộ đổi mới còn chậm so với đổi mới kinh tế, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đông nhưng chưa mạnh; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ xảy ra ở nhiều nơi. Cơ cấu giữa các ngành nghề, lĩnh vực chưa thật hợp lý; thiếu liên thông giữa các

cấp, các ngành; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đạt yêu cầu đề ra. Độ tuổi bình quân của cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở một số ban, bộ, ngành, địa phương còn cao. Trong cơ cấu đội ngũ cán bộ, vẫn thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực, tỷ lệ cán bộ nghiên cứu khoa học trên tổng dân số còn thấp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ ở một số nơi còn chưa kịp thời, thiếu quyết liệt, hiệu quả thấp; nguyên tắc tập trung dân chủ có nơi, có lúc thực hiện chưa nghiêm.

Hiện nay, Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới với nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức mới đan xen. Tình hình đó tác động mạnh mẽ, toàn diện, sâu sắc đến công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ; đặt ra yêu cầu phải tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ về công tác cán bộ và xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín.

Muốn vậy, công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ ở các cấp phải

bám sát mục tiêu tổng quát mà Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra. Đó là xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, có chất lượng, cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng, đủ sức lãnh đạo đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Đồng thời, phải quán triệt 5 vấn đề có tính nguyên tắc:

- Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thận trọng, thường xuyên, có hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững.

- Thực hiện nghiêm, nhất quán Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chuẩn hóa, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, cơ chế thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ; phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm.

- Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, thường xuyên đổi mới công tác cán bộ phù hợp với tình hình thực tiễn. Xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân; đặt trong tổng thể của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Quán triệt nguyên tắc về quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối

cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ. Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu; giữa “xây” và “chống”; giữa “đức” và “tài”; giữa tính phổ biến và đặc thù; giữa kế thừa, đổi mới và ổn định, phát triển; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là của các cấp ủy, tổ chức đảng mà nòng cốt là các cơ quan tham mưu của Đảng, nhất là cơ quan tổ chức, cán bộ. Phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cơ quan truyền thông, báo chí trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt, mật thiết với nhân dân; phải thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ.

Từ thực tiễn những năm vừa qua và kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Đảng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, cần tiếp tục bám sát và đẩy mạnh thực hiện đồng bộ một số chủ trương, định hướng lớn sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức, đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên.

Phải đẩy mạnh học tập, quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, nhất là về công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, trui rèn bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc; kết hợp đào tạo qua trường lớp với rèn luyện trong thực tiễn. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng bồi dưỡng đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch, lành mạnh, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân; tu

duỡng đạo đức cách mạng suốt đời, nói đi đôi với làm.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới đồng bộ và mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ.

Đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, so sánh với chức danh tương đương và công khai kết quả; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức; trên cơ sở kết quả kiểm định đó, các địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ vào tình hình cụ thể để lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu của mình. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành; đánh giá chặt chẽ chất lượng đầu vào, đầu ra; chú trọng đào tạo phương pháp tư duy, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, cập nhật tình hình, kiến thức mới. Gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh và thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản

lý để rèn luyện qua thực tiễn ở các lĩnh vực, địa bàn khác nhau. Xây dựng cơ chế cạnh tranh, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Chú trọng xây dựng cấp ủy các cấp có cơ cấu hợp lý, giảm số lượng và nâng cao chất lượng; bảo đảm chỉ tiêu cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong cơ cấu cấp ủy và tập thể lãnh đạo các cấp. Tiếp tục đổi mới công tác cử trong Đảng, thực hiện việc lựa chọn, bầu cử có số dư. Nâng cao tính cạnh tranh trong bổ nhiệm cán bộ, ứng viên trước khi bổ nhiệm phải trình bày chương trình hành động và cam kết thực hiện. Quy định trách nhiệm của lãnh đạo và cấp ủy viên các cấp trong việc tiến cử người có đức, có tài; người đứng đầu có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tiến cử người thay thế mình. Xây dựng cơ chế phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả vượt cấp, nhất là cán

bộ trẻ. Hoàn thiện các quy định để việc nhận trách nhiệm, từ chức, từ nhiệm trở thành nếp văn hóa ứng xử của cán bộ; tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định về cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm để việc “có lên, có xuống”, “có vào, có ra” trở thành bình thường trong công tác cán bộ. Tiếp tục mở rộng thí điểm thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng. Đồng thời, thực hiện các thí điểm: người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp ủy giới thiệu để bầu ủy viên ban thường vụ theo một quy trình nhất định, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và phải chịu trách nhiệm về việc giới thiệu của mình; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Thứ ba, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

Tạo môi trường, điều kiện cho đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám

ngã, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung. Coi trọng trang bị kiến thức về công tác cán bộ cho lãnh đạo các cấp. Tập trung nâng cao chất lượng bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp và đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Đẩy mạnh thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và đặc biệt quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận. Chủ động nắm, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở trong nước và nước ngoài. Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Thực hiện cơ chế, chính sách đồng bộ liên thông giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức nói chung; giữa nguồn nhân lực ở khu vực công và khu vực tư; có cơ chế cạnh tranh vị trí việc làm để nâng cao chất lượng và tiến tới bỏ chế độ “biên chế suốt đời”. Quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ các cấp theo hướng: xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về cán bộ; địa

phương, cơ quan, đơn vị phải quản lý cán bộ theo quy định; cơ quan sử dụng cán bộ xây dựng cơ chế quản lý chặt chẽ, phù hợp cán bộ trong và ngoài giờ làm việc; người đứng đầu chịu trách nhiệm về quản lý cán bộ theo phân cấp. Mỗi cán bộ có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định, quy chế, cam kết của mình. Kiểm soát chặt chẽ, sàng lọc kỹ càng những cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, không bảo đảm sức khỏe, có sai phạm, không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, đến tuổi nghỉ hưu. Đẩy mạnh việc đổi mới chính sách cán bộ hợp lý gắn với cải cách chế độ tiền lương.

Thứ tư, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ.

Cán bộ cấp chiến lược có vị trí đặc biệt quan trọng. Do vậy, cần chú ý phát hiện, lựa chọn từ nguồn quy hoạch những cán bộ tiêu biểu, xuất sắc đã được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện theo chức danh, nhất là những người đã được thử thách qua thực tiễn, có thành tích nổi trội, có “sản phẩm” cụ thể, có triển vọng phát triển; bổ sung kiến thức, nâng cao

trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng toàn diện về kỹ năng lãnh đạo, quản lý, khoa học tổ chức và định kỳ cập nhật kiến thức mới theo từng nhóm đối tượng. Xây dựng kế hoạch cụ thể để luân chuyển, điều động giữ vị trí cấp trưởng ở địa bàn khó khăn, lĩnh vực trọng yếu, nơi triển khai mô hình mới để thử thách, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, nhân sinh quan cách mạng, năng lực lãnh đạo toàn diện của cán bộ. Tổ chức các lớp dự nguồn cán bộ cao cấp để chuẩn bị tốt nguồn nhân sự cán bộ cấp chiến lược, nhất là nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, lãnh đạo chủ chốt các ban, bộ, ngành và các tỉnh, thành phố. Phải đánh giá chính xác nhân sự được quy hoạch, giới thiệu bầu cử, bổ nhiệm vào các chức danh cấp chiến lược; định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự. Tập trung xây dựng Ban Chấp hành Trung ương theo hướng nâng cao chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý, thực sự tiêu biểu về đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu về mọi mặt. Xây dựng tiêu chuẩn và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện,

thử thách đối với Ủy viên dự khuyết Trung ương theo hướng chỉ lựa chọn cán bộ trẻ, thật sự ưu tú và có cơ cấu hợp lý giữa Trung ương với địa phương, giữa các ngành nghề, lĩnh vực trong hệ thống chính trị.

Thứ năm, thực sự đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị.

Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là người đứng đầu phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, không ngừng tự tu dưỡng, rèn luyện; tự quản lý, kiểm soát, nghiêm khắc với chính mình trước cám dỗ vật chất và tham vọng quyền lực; đề cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng và danh dự; chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là Quy định số 08 về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung

ương”. Chú trọng việc xây dựng hình ảnh người cán bộ, đảng viên tận tụy, liêm khiết, gần dân, trọng dân, hết lòng phục vụ nhân dân.

Thứ sáu, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát.

Phát huy vai trò của các cơ quan kiểm tra, giám sát trong công tác cán bộ; coi trọng cả cảnh báo, phòng ngừa và xử lý sai phạm. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất; theo chuyên đề, chuyên ngành và công khai kết quả, bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, không có “vùng cấm” đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lạm quyền, lộng quyền, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, những trường hợp sai phạm trong công tác cán bộ mà dư luận xã hội, nhân dân quan tâm và công khai kết quả xử lý. Mở rộng dân chủ, phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân; tăng cường cơ chế chất vấn, giải trình. Thực hiện nghiêm các

quy định về kê khai tài sản, thu nhập; cơ quan chức năng phải tiến hành thẩm định, xác minh, đánh giá tính trung thực, giám sát việc tăng giảm tài sản của cán bộ, đảng viên và công khai theo quy định.

Thứ bảy, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ.

Quyền lực luôn có nguy cơ bị lạm dụng, lợi dụng. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức, có quyền theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm vi phạm. Thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực theo hướng rà soát, bổ sung, hoàn thiện về thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể, cá nhân. Đề cao trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm chính trị, trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm pháp lý của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và tập thể lãnh đạo; thực hiện chế độ trách nhiệm liên đới khi cán bộ hoặc

cơ quan cấp dưới trực tiếp có sai phạm. Quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm, tạo điều kiện cho người đứng đầu có đủ quyền hạn trong công tác tổ chức và cán bộ, trong chỉ đạo đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, tiêu cực. Bổ sung, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế công khai, minh bạch. Chú trọng giám sát việc sử dụng quyền lực của cán bộ, nhất là người đứng đầu; tăng cường cơ chế giám sát trong nội bộ tập thể lãnh đạo gắn với công khai quy trình sử dụng quyền lực theo pháp luật để cán bộ, nhân dân giám sát, bảo đảm quyền lực phục vụ nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân và tự giác chịu sự giám sát của nhân dân.

Thứ tám, phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thực hiện nghiêm các quy định về giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; về sự giám sát và tham gia của nhân dân, các cơ quan truyền thông, báo chí trong công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác cán bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát của các

cơ quan dân cử đối với công tác tổ chức xây dựng Đảng để bảo đảm đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thường trực cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương định kỳ tiếp dân; hoàn thiện cơ chế để phân công cán bộ, đảng viên phụ trách hộ gia đình nơi cư trú để truyền đạt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tiếp nhận thông tin, lắng nghe, đối thoại và xử lý những phản ánh, kiến nghị của nhân dân về công tác tổ chức xây dựng Đảng; thông qua đó để nhân dân thực hiện việc giám sát cán bộ, đảng viên. Thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân một cách phù hợp, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; có hình thức xử lý đối với những tổ chức, cá nhân có chỉ số hài lòng thấp. Khuyến khích, bảo vệ người dân tích cực phản ánh, tố giác và đấu tranh phòng, chống tiêu cực trong công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Thứ chín, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, phát triển

lý luận về công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

Thực tiễn đổi mới ở Việt Nam những năm vừa qua cho thấy, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, phát triển lý luận về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ có vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt. Do đó, phải đầu tư thoả đáng về cơ chế, các nguồn lực cho công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, phát triển lý luận. Kịp thời sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, quy định, quy chế và những chủ trương thí điểm, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong công tác tổ chức xây dựng Đảng. Khuyến khích phát triển tư duy lý luận phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng. Đồng thời, phải thực sự coi trọng và thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố cơ quan tham mưu và đội ngũ làm công tác tổ chức cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, “trung thành, trung thực, gương mẫu, trong sáng, tinh thông”; đặc biệt coi trọng việc lựa chọn, bố trí đúng người đúng đầu cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ các cấp ■

XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

I. Xây dựng và tổ chức thực hiện thành công đường lối cách mạng là vấn đề trung tâm của xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ ra bài học kinh nghiệm lớn đầu tiên là “nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc”. Đây cũng chính là mục tiêu hướng tới của toàn bộ sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, là cơ sở nền tảng quyết định cho Đảng xây dựng, tổ chức thực hiện đường lối trong các giai đoạn cách mạng.

1. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đường lối cách mạng

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu nhất quán, kiên định đồng thời cũng là đường lối chung, thống nhất quan trọng nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Trên cơ sở đường lối chung ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo và không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm tình hình, bối cảnh lịch sử, xã hội của từng thời kỳ; kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, học hỏi và vận

dụng hợp lý kinh nghiệm quốc tế, để xây dựng đường lối, đề ra những chủ trương, kế sách thích hợp, lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra là một biểu hiện tiêu biểu cho lập trường kiên định mục tiêu cách mạng và sự sáng tạo của Đảng trong nhận thức và phát triển lý luận. Vượt qua những định kiến, khuôn mẫu trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội đương thời, lần đầu tiên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sản xuất hàng hóa, mở rộng các điều kiện kinh doanh, thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Đường lối Đổi mới đã mở ra một thời kỳ phát triển mạnh mẽ của đất nước, mang lại những

thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, cải thiện cơ bản đời sống nhân dân, góp phần củng cố chế độ, tăng cường tiềm lực bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, trong điều kiện mới, khi

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ ra bài học kinh nghiệm lớn đầu tiên là “nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc”.

mà mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu đã tan rã, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và quá trình toàn cầu hóa cùng những vấn đề của an ninh phi truyền thống đang đặt ra trước nhân loại nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen, những thời cơ và thách thức phức tạp, ảnh hưởng mạnh mẽ đến mỗi quốc gia, dân tộc. Các nước với các chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa cạnh

tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Trong điều kiện ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định khẳng định “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ

nghĩa xã hội”. Đảng xác định mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân Việt Nam xây dựng là xã hội có 8 đặc trưng: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới. Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam là kết tinh kinh nghiệm trong quá trình cách mạng, thể hiện lập trường kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của đất nước. Đây cũng là kết quả của những nhận thức lý luận mới của Đảng trên cơ sở những bài học kinh nghiệm từ những mô hình chủ

nghĩa xã hội hiện thực đã có trên thế giới, cũng như từ những đặc điểm của thời đại hiện nay.

Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định những phương hướng cơ bản xây dựng, phát triển đất nước dựa trên 4 trụ cột chính sách là: Xây dựng Đảng là then chốt; phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần, động lực phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Đồng thời, Đảng yêu cầu trong quá trình thực hiện đường lối đó phải chú trọng nắm vững và giải quyết tốt một loạt mối quan hệ lớn, trong đó có các mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, giữa tuân theo các quy luật thị trường và đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ... Đường lối xây dựng, phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang được triển khai, cụ thể hóa thành các chính sách, các quyết định quản lý, đang

được thực thi có hiệu quả, mang lại những kết quả to lớn, toàn diện.

2. Lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, hệ thống thể chế đảm bảo kiên định và thực hiện thành công đường lối cách mạng của Đảng

Thứ nhất, xây dựng bộ máy tổ chức đảng và hệ thống chính trị. Công tác tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong những năm qua đã có nhiều đổi mới về nhận thức, không ngừng hoàn thiện, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân có nhiều hạn chế do điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước đã có những thay đổi to lớn, yêu cầu cách mạng trong giai đoạn sắp tới cũng đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp.

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đã xác định công tác xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị của đất nước trong thời kỳ tới tập trung vào hai mục tiêu chung. *Thứ nhất*, “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân”. *Thứ hai*, “Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương”⁽¹⁾.

Các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tập trung vào các vấn đề: Thống nhất nguyên tắc Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; nghiên cứu xây dựng và thực hiện mô hình tổng thể phù hợp yêu cầu điều kiện mới; rà soát, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, cơ chế vận hành của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ trong hoạt động, đổi mới chính sách phân bổ ngân sách chi thường xuyên; làm tốt công

tác giáo dục tư tưởng, tạo đồng thuận xã hội trong đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

Thứ hai, xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển, trong đó thể chế chính trị là trung tâm. Đó chính là việc đổi mới, hoàn thiện và các điều kiện đảm bảo thi hành trên thực tế hệ thống các quy định pháp lý, các chế độ hoạt động và các chính sách đảm bảo cho hệ thống chính trị và hệ thống kinh tế của đất nước vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả theo đúng nguyên tắc, yêu cầu và mục đích đặt ra, phát huy được tính chất ưu việt của chế độ, giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tiêu cực và những phát sinh ngoài tầm kiểm soát. Giải quyết tốt về thể chế phát triển cũng chính là giải quyết mối quan hệ lớn giữa đổi mới chính trị với đổi mới kinh tế.

Trong thời gian vừa qua, hệ thống thể chế phát triển của đất nước đã có nhiều đổi mới theo hướng ngày càng hoàn thiện, đáp ứng đòi hỏi từ thực tế. Tuy nhiên, không ít vấn đề đang đặt ra, đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng để khắc phục những hạn chế, không ngừng hoàn thiện hệ thống thể chế

phát triển, đáp ứng yêu cầu công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Đó là việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp, đảm bảo tính chất đồng bộ, hài hòa, thuận lợi cho việc thực thi, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý đất nước một cách dân chủ, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ chính đáng, đồng thời giữ vững kỷ cương, phép nước, ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả những vấn đề, sự việc ảnh hưởng tiêu cực đến văn hóa dân tộc, lợi ích quốc gia và đời sống của cộng đồng. Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách cụ thể đối với các lĩnh vực kinh tế, xã hội, con người, hợp tác quốc tế, đảm bảo tính chất hợp lý, khoa học, nhân văn, tiến bộ, theo kịp sự vận động nhanh chóng của đời sống hiện thực. Đặc biệt, cần xây dựng, hoàn thiện cơ chế vận hành và tạo các điều kiện cần và đủ về thiết chế, nguồn lực và các giải pháp cụ thể để đảm bảo cho việc thực thi đầy đủ, đúng yêu cầu về hiệu lực đối với hệ thống thể chế phát triển của đất nước.

Thứ ba, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược cán bộ. “Cán bộ là

công việc gốc của Đảng”, vì vậy, xây dựng chiến lược, làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ Đảng, cán bộ của hệ thống chính trị chính là vấn đề chính trị hàng đầu, sống còn đối với Đảng, đối với chế độ. Nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”, hay “cán bộ là gốc của mọi công việc”, vì thế, “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁽²⁾.

Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy khóa XII, mục tiêu đặt ra cho công tác cán bộ của Đảng trong thời gian tới là: “tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, đủ sức lãnh đạo đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”.

Để đạt được mục tiêu ấy, công tác cán bộ tập trung thực hiện các giải

pháp nhằm nâng cao nhận thức về cán bộ, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng đạo đức, lối sống; đổi mới cơ chế quản lý, chính sách sử dụng, đãi ngộ; nâng cao chất lượng, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước trong thời kỳ tới. Trọng tâm của các giải pháp trên là: “(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả công tác cán bộ; chuẩn hóa, xiết chặt kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo phục vụ phát triển và có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. (2) Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược và bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp đi đôi với phân cấp, phân quyền nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực”⁽³⁾.

3. Lãnh đạo xây dựng, tổ chức thực hiện luật pháp, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công đường lối cách mạng của Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh ban hành năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh là cơ sở để Đảng lãnh đạo cụ thể hóa đường lối chung, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách nhằm phát triển các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển. Lãnh đạo hoạch định và tổ chức thực hiện thành công hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội là một nội dung quan trọng, đồng thời là thể hiện tập trung nhất, rõ ràng nhất chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng Đảng.

Đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành những chính sách, quyết định quản lý của Nhà nước. Việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng là thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội. Nó được triển khai theo hai hướng: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp và xây dựng các chính sách, quyết sách trong phát

triển, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội. Theo *hướng thứ nhất*, Đảng đoàn Quốc hội là cơ quan có trách nhiệm tiếp thu đường lối, chủ trương của Đảng để đưa vào chương trình, nội dung xây dựng hệ thống luật pháp. Theo *hướng thứ hai*, Ban Cán sự đảng Chính phủ là cơ quan chịu trách nhiệm trước Đảng trong việc cụ thể hóa đường lối của đảng thành các quyết định quản lý nhà nước, các quyết sách trong xây dựng, phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Trong điều kiện hiện nay, cơ chế lãnh đạo của Đảng trong việc cụ thể hóa đường lối ngày càng được hoàn thiện, đảm bảo ngày càng chặt chẽ, hợp lý hơn.

Đảng lãnh đạo tổ chức thực hiện các đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước. Đây là trách nhiệm của tất cả các tổ chức đảng, từ Trung ương đến các tổ chức cơ sở của Đảng, của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi tổ chức đảng, mỗi tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để xây dựng, kế hoạch, chương trình

hành động để giáo dục, hướng dẫn nhân dân thực hiện luật pháp, tổ chức lực lượng thực hiện các chính sách phát triển, quyết định quản lý.

Đảng lãnh đạo kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ này có các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân. Cùng với đó là lực lượng to lớn của nhân dân. Vai trò của nhân dân trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát ngày càng được thể chế hóa chặt chẽ, đảm bảo quyền và trách nhiệm cũng như bảo vệ người dân trước những rủi ro có thể. Nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh, “muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”. Nói cách khác, hoạt động kiểm soát, đánh giá để đảm bảo đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước được thực hiện đúng, hiệu quả thông qua sự kết hợp giữa các cơ quan chức năng với sự đóng góp của nhân dân.

Có thể nói, sự phối hợp tốt cả ba khâu công tác, bao gồm phát triển sáng tạo hệ thống lý luận trong xây

dựng đường lối; xây dựng tổ chức bộ máy Đảng, hệ thống chính trị; xây dựng và tổ chức thực hiện luật pháp, các chính sách phát triển nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là vấn đề trung tâm của công tác xây dựng đảng về chính trị, đảm bảo cho sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

II. Đổi mới tư duy nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, góp phần tích cực vào việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

“Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mạng vận động”, luận điểm quan trọng của V.I. Lênin về vai trò và tầm quan trọng của công tác lý luận được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn trang trọng ngay trên trang đầu của tác phẩm Đường cách mệnh - cuốn giáo trình cho các lớp đào tạo cán bộ đầu tiên cho tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam từ những năm 1926-1927. Vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của công tác lý luận được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt sâu sắc trong suốt tiến trình cách mạng, là cơ sở giúp Đảng

chủ động và không ngừng phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới nhận thức lý luận chính trị.

1. Đổi mới nhận thức lý luận của cán bộ đảng, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược

Việc đổi mới nhận thức về công tác lý luận đặt ra trước hết đối với *đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược, những người đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước*. Nhận thức lý luận của cán bộ đảng trước hết thể hiện trong việc hiểu đúng vai trò, vị trí, tầm quan trọng và tính chất của công tác lý luận trong xây dựng, phát triển đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau”⁽⁴⁾. Đây là điều kiện quyết định không chỉ để có một môi trường tích cực cho việc phát triển lý luận, mà quan trọng hơn là nhằm hai

mục đích lớn. *Mục đích thứ nhất*, từ nhận thức đúng đắn về lý luận, đội ngũ cán bộ chiến lược của Đảng sẽ ý thức đầy đủ hơn trong

Vị trí, tầm quan trọng đặc biệt của công tác lý luận được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt sâu sắc trong suốt tiến trình cách mạng, là cơ sở giúp Đảng chủ động và không ngừng phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới nhận thức lý luận chính trị.

việc học tập, nghiên cứu, nâng cao sự hiểu biết có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng những thành tựu lý luận Mác-xít hiện đại. Đến lượt nó, đó chính là cơ sở để củng cố niềm tin, lý tưởng và ý thức chính trị cho cán bộ.

Mục đích thứ hai, giúp đội ngũ cán bộ chiến lược quan tâm đúng mức đến công tác tổ

chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tế, tiếp nhận và vận dụng những thành tựu lý luận mới vào thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

2. Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

Về nội dung, kết hợp tốt 5 phương hướng nghiên cứu. *Phương hướng thứ nhất*, tiếp tục đào sâu nghiên

cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định được những giá trị đúng đắn, những vấn đề phương pháp luận cốt lõi, những vấn đề lịch sử đã vượt qua. *Phương hướng thứ hai*, mở rộng việc nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu lý luận của nhân loại, những bài học thành công, thất bại của phong trào công nhân, cộng sản, của chủ nghĩa xã hội hiện thực và những thành tựu lý luận khác của nhân loại, theo phương châm tận dụng tốt nhất những giá trị tích cực của nhân loại phục vụ cho lợi ích dân tộc, cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Phương hướng thứ ba*, tiếp tục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ hơn và truyền bá sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân những giá trị sáng tạo to lớn của Người về vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. *Phương hướng thứ tư*, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu gắn với tổng kết thực tế, đặc biệt là các mô hình hay, những kinh nghiệm tốt trong việc giải quyết các mối quan hệ lớn, cập nhật và làm rõ những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn, phát hiện

và phản biện kịp thời những chính sách không còn phù hợp. *Thứ năm*, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tế, tiếp tục làm sáng tỏ hơn mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, luận giải và làm rõ những vấn đề thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước đang đặt ra, xây dựng cơ sở khoa học và thực tế phục vụ tốt cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Để thực hiện tốt 5 phương hướng trên, cần thực sự đổi mới tư duy lý luận, đổi mới phương pháp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, vận dụng những phương pháp, cách tiếp cận hiện đại. Đặc biệt, “các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở” phải “đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc” theo yêu cầu mà Đại hội XII của Đảng đề ra là “khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm”⁽⁵⁾. Những phương pháp, phong cách đó là cần thiết đối với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nói chung, đồng thời cũng là điều kiện cần thiết cho việc đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu, phát triển lý luận nói riêng.

3. *Đổi mới tổ chức hệ thống các cơ quan nghiên cứu và xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận*

Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ yêu cầu: “Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành”⁽⁶⁾. Trên thực tế, mô hình tổ chức các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng đã được hình thành trong quá trình Đổi mới, đến nay chưa có thay đổi, cơ chế vận hành của hệ thống có những chuyển biến nhất định nhưng nhiều vấn đề chưa rõ ràng, nhất là cơ chế vận hành, sự phân định trách nhiệm, các điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, quan hệ giữa các cơ quan nghiên cứu trong cả nước. Hoạt động nghiên cứu, phát triển lý luận còn tách rời với hoạt động tham mưu về chính sách. Vì thế, việc đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế vận hành của các cơ quan nghiên cứu, phát triển lý luận theo tinh thần Đại hội XII của Đảng là cấp bách.

Việc xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận, từ công tác đào tạo ban đầu, đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, đến chế độ sử dụng, đãi ngộ với cán bộ nghiên cứu lý luận nhất là cán bộ khoa học đầu ngành cần được đổi mới đồng bộ. Cần có chính sách thu hút nhân tài vào các ngành đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị thông qua chính sách đãi ngộ thích đáng và nhiều biện pháp ưu đãi khác. Đối với các chuyên gia đầu ngành, cần có chính sách sử dụng thống nhất, chế độ đãi ngộ thích hợp, khuyến khích đối với các thành tựu nghiên cứu. Cần có chính sách sử dụng, khai thác hợp lý đối với những cán bộ, chuyên gia lý luận đã quá tuổi lao động nhưng còn có sức khỏe và năng lực làm việc tốt.

4. *Đổi mới về cơ chế, chính sách, chế độ trong công tác lý luận*

Cần thiết phải đổi mới chính sách đầu tư tài chính, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và điều kiện làm việc cho công tác nghiên cứu lý luận. Về quản lý tài chính đối với hoạt động nghiên cứu lý luận cần chuyển sang chế độ đặt hàng, quyết toán đầu tư theo kết quả nghiên cứu, kiên quyết cắt bỏ những

khâu thủ tục hành chính, giấy tờ phức tạp và không có ý nghĩa thực tế. Các kết quả nghiên cứu phải có địa chỉ sử dụng. Cần có sự chỉ đạo, đánh giá chung, thống nhất trong cả hệ thống để tránh sự chồng chéo, trùng lặp đề tài, gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu lý luận cần có chính sách, chế độ đầu tư, đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật như thông tin, tư liệu, thư viện, không gian làm việc cho các cơ quan lý luận, các nhà khoa học, nhất là các chuyên gia đầu ngành.

III. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo dựng sự thống nhất nhận thức chính trị trong toàn Đảng, toàn dân

1. Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tư tưởng trong thời gian tới

Mục đích đặt ra đối với công tác tư tưởng là tạo nên *sự thống nhất nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên, sự đồng thuận trong xã hội* trên cơ sở nền tảng tư tưởng của chế độ, các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đó chính là điều kiện căn bản để tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức

người sức của trong nước, tận dụng mọi thời cơ và điều kiện thuận lợi từ bên ngoài để thực hiện các mục tiêu chính trị của cách mạng. Đại hội XII của Đảng yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả”⁽⁷⁾.

Để đạt được mục đích đặt ra, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, công tác tư tưởng của Đảng trong điều kiện hiện nay phải làm tốt các công việc: Giáo dục lý luận chính trị, xây dựng thế giới quan tích cực, lý tưởng cách mạng cho cán bộ đảng viên; giáo dục, hướng dẫn nhận thức chính trị, tư tưởng trong nhân dân; giáo dục, xây dựng con người Việt Nam hiện đại, xây dựng văn hóa, đạo đức, lối sống theo hệ giá trị dân tộc, nhân văn

và hiện đại; xây dựng môi trường xã hội tốt đẹp tạo cơ sở nền móng cho sự phát triển của con người. Huy động và sử dụng hợp lý, có hiệu quả mọi loại hình phương tiện, mọi lực lượng trong xã hội tham gia thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng. Đặc biệt quan tâm đến mạng xã hội, các loại hình báo chí, truyền thông hiện đại, đồng thời tận dụng khả năng tích cực của các loại hình, phương thức truyền thông truyền thống. Gắn việc thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh xã hội và công tác đối ngoại. Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 3, khóa XII, ngày 7/7/2016, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thêm một lần nữa đã nhấn mạnh nhiệm vụ công tác tư tưởng mà toàn Đảng cần quan tâm: “Chú trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền, báo chí, thông tin, *tạo sự đồng thuận trong xã hội*; kiên quyết chấn chỉnh những lệch lạc, phản bác những luận điệu sai trái”.

2. Nội dung, giải pháp xây dựng Đảng về công tác tư tưởng

Sự thống nhất trong Đảng, đồng

thuận trong xã hội trên cơ sở định hướng chính trị tư tưởng là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho đường lối cách mạng của Đảng được thực hiện thắng lợi, đồng thời cũng là mục tiêu hàng đầu, có ý nghĩa sống còn đối với công tác tư tưởng của Đảng nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung. Cần đổi mới nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận, thực sự coi công tác tư tưởng, lý luận, báo chí *là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng*. Trên cơ sở đó mà xác định công tác tư tưởng là trách nhiệm của toàn Đảng, Nhà nước, của từng cấp ủy, cơ quan chính quyền, từng cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược. Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng được triển khai thực hiện thông qua một loạt hoạt động của Đảng và hệ thống chính trị.

Trước hết, Đảng chăm lo công tác lý luận, coi việc xây dựng, phát triển sáng tạo hệ thống lý luận, giải quyết kịp thời các vấn đề lý luận phát sinh trong thực tiễn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Cùng với việc tiếp tục nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh

mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, rút ra những vấn đề lý luận mới, phát hiện những vấn đề lý luận không còn phù hợp để kịp thời đổi mới.

Thứ hai, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, được chăm lo thường xuyên, không ngừng đổi mới về nội dung và phương pháp, cập nhật các vấn đề thời sự. Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng được thông qua nhiều kênh phương tiện, nhiều hình thức, phương thức khác nhau, từ nhà trường, thông tin thời sự, tuyên truyền miệng, sinh hoạt tổ chức đảng, tổ chức đoàn thể nhân dân, đến các phương tiện truyền thông đại chúng, báo chí, phát thanh, truyền hình, mạng Internet, nhằm tạo ra hiệu quả tổng hợp. Đây là cơ sở nền tảng về tri thức để xác lập niềm tin một cách tự giác của cán bộ, nhân dân vào mục tiêu tốt đẹp của chế độ.

Thứ ba, không ngừng nâng cao dân trí, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, làm cho mỗi người dân đều có thể được hưởng thụ một cách xứng đáng

những thành tựu của cách mạng, của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đây là một nội dung căn bản trong toàn bộ hoạt động của Đảng, thể hiện rõ nhất đường lối lấy con người làm trung tâm, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

Thứ tư, giáo dục, rèn luyện đạo đức, tác phong, xây dựng lối sống tích cực, vì dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện nêu gương trước nhân dân theo tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, cán bộ lãnh đạo quản lý cao cấp, cán bộ đứng đầu các cơ quan, tổ chức của Đảng và hệ thống chính trị. Làm tốt công tác này sẽ tạo được sức thuyết phục mạnh mẽ của Đảng trong xã hội, thể hiện đúng bản chất của Đảng, lý tưởng cao đẹp mà Đảng phấn đấu, “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”.

Thứ năm, nghiên cứu, tổng kết và truyền bá rộng rãi hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Đồng thời, triển khai đồng bộ cuộc đấu

tranh phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Mở rộng phạm vi và tăng cường hiệu quả thông tin đối ngoại.

Thứ sáu, tăng cường đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và các các phương tiện kỹ thuật cho công tác tư tưởng theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu trong điều kiện hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho đội ngũ cán bộ tư tưởng.

3. Nội dung, giải pháp đối với công tác báo chí

Tăng cường lãnh đạo, quản lý, phát triển hệ thống báo chí – truyền thông nhằm phát huy tốt nhất vai trò của báo chí – truyền thông trong việc thông tin, tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ công tác tư tưởng, hạn chế những tác động tiêu cực. Coi trọng việc phát hiện biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, đồng thời tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội. Không ngừng nâng cao chất lượng tư tưởng, tính hấp dẫn, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hệ thống báo chí.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí – truyền thông. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, đề cao trách nhiệm cán bộ, đảng viên trong các cơ quan báo chí. Làm tốt công tác định hướng thông tin, cung cấp tài liệu cho báo chí, nhất là đối với những vấn đề, sự kiện quan trọng, nhạy cảm. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống báo chí, truyền thông đại chúng, tránh trùng lặp, chồng chéo về chức năng.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật và các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực báo chí – truyền thông, làm rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, các hội nghề nghiệp và từng cơ quan báo chí – truyền thông. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy ước đạo đức nghề nghiệp và giáo dục cán bộ tự giác thực hiện.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, trình độ ngoại ngữ và những hiểu biết về quan hệ quốc tế

cho đội ngũ người làm báo. Thường xuyên rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý báo chí; thực hiện nghiêm các quy định, quy trình về bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ có năng lực, đủ phẩm chất cho hệ thống báo chí. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở, vật chất, nguồn lực và cơ chế để các cơ quan báo chí chủ lực nâng cao chất lượng, làm tốt công tác định hướng dư luận xã hội.

Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, làm tốt công tác quảng bá hình ảnh đất nước, các giá trị văn hóa đặc trưng của đất nước và con người Việt Nam đến với nhân dân và bạn bè trên thế giới. Làm tốt công tác hướng dẫn nhân dân trong việc tiếp thu những giá trị văn hóa tích cực, tiến bộ của nhân loại; cảnh giác, phê phán sự du nhập những hiện tượng văn hóa tiêu cực, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc và các giá trị nhân văn, tiến bộ của nhân loại.

4. Nội dung, giải pháp xây dựng Đảng về đạo đức, lối sống

Từ tình hình thực tế, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn

mạnh yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức, lối sống. Văn kiện Đại hội XII chỉ rõ yêu cầu: “Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch”⁽⁸⁾.

Giáo dục văn hóa, đạo đức, xây dựng lối sống tích cực, có trách nhiệm trong nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ căn bản, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay. Đó cũng chính là nhiệm vụ góp phần xây dựng con người mới, xây dựng đội ngũ cán bộ vừa hồng, vừa chuyên, đủ năng lực điều kiện lãnh đạo nhân dân, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới trong nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Yêu cầu đặt ra là nghiên cứu xây dựng các chuẩn mực văn hóa, đạo đức của con người Việt Nam hiện đại nói chung và của cán bộ, đảng viên nói riêng, truyền bá, giáo dục để những chuẩn mực đó đi vào cuộc sống, trở thành lối sống của mỗi người dân, mỗi cán bộ, đảng viên. Các phương tiện công tác tư tưởng đồng thời trở thành môi trường giám sát đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đấu tranh không khoan nhượng với những biểu hiện tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và trong nhân dân.

Đồng thời, đề cao cảnh giác, phát huy tính chiến đấu, kịp thời phát hiện, phản bác các âm mưu, luận điệu của các thế lực thù địch xuyên tạc, vu cáo, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Thường xuyên cảnh giác, phòng chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ngay trong nội bộ nhân dân, nhất là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tóm lại, xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng là vấn đề sống còn, quyết định sức mạnh, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Hơn bao giờ hết, trong điều kiện hiện nay, công tác xây dựng Đảng trong chính trị, tư tưởng càng phải giữ vững nguyên tắc Đảng, đồng thời phải được quan tâm, đổi mới không ngừng ■

^{1, 5, 6, 7, 8} ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương, Hà Nội, 2017, tr.45-46, 51, 201, 200, 200-201.

^{2, 4} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.80-309, 289.

³ ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương, Hà Nội, 2018, tr.79.

CỦNG CỐ BỘ MÁY TINH GỌN, VỮNG MẠNH VÀ PHÙ HỢP THỰC TIỄN Ở LÀO

● TS ÛN-KEO VUT-THI-LAT,

Ủy viên Hội đồng Khoa học Xã hội Quốc gia Lào

I. Tầm quan trọng trong cải cách bộ máy Nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh và phù hợp với thực tiễn đất nước

1. Thành lập bộ máy nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Sau khi đất nước được giải phóng hoàn toàn, Nhà nước CHDCND Lào được thành lập vào ngày 2 tháng 12 năm 1975, lúc đó đất nước chưa phát triển, nền kinh tế - xã hội phát triển với mức độ thấp, nhưng Đảng Nhân dân Cách mạng Lào với tinh thần kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh đạo xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bộ máy nhà nước CHDCND Lào được thành lập cùng với việc thành lập nước CHDCND Lào, gồm có bộ

máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong toàn quốc.

- Ở Trung ương: gồm có Hội đồng nhân dân tối cao (cơ quan lập pháp); có Chủ tịch nước làm Nguyên thủ quốc gia; Hội đồng Bộ trưởng (Chính phủ hoặc cơ quan hành pháp); Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân (cơ quan tư pháp) chưa được thành lập đúng theo chức năng, nhiệm vụ như các cơ

quan nêu trên, bước đầu chỉ là một bộ phận (cục) nằm trong cơ quan hành pháp các cấp (cấp Trung ương có Vụ thẩm phán và Viện kiểm sát trực thuộc Bộ Tư pháp, là bộ máy của Chính phủ).

- Ở địa phương: gồm có Hội đồng nhân dân, là cơ quan đại diện cho

quyền lực của nhân dân ở địa phương và có Ủy ban nhân dân, là cơ quan hành chính địa phương. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được thành lập theo đơn vị hành chính địa phương gồm: tỉnh, huyện và xã. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan trực thuộc Sở Tư pháp cấp tỉnh.

- Về pháp lý: có cơ sở pháp lý làm căn cứ cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nhà nước đã ban hành Luật Hội đồng nhân dân tối cao của CHD-CND Lào (1976); Luật về Hội đồng Bộ trưởng (1978); Luật tổ chức Hội đồng nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các cấp (1978); Chỉ thị (văn bản dưới luật) của Thủ tướng Chính phủ số 53/CP ngày 15 tháng 10 năm 1976 về việc bắt giam, điều tra và kết án những người vi phạm pháp luật, nhất là những kẻ phản bội đất nước.

Việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ở cấp Trung ương và địa phương là phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng và đặc điểm của đất nước thời kỳ mới được giải phóng. Nhiệm vụ chủ yếu của

Đảng là tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn quốc nhằm bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, vừa hàn gắn vết thương chiến tranh và cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc. Nói cách khác, Trung ương thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Nguyên tắc tập trung trong việc tổ chức, thực hiện của bộ máy nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Bản chất quyền lực nhà nước trong chế độ dân chủ nhân dân là quyền lực của dân, do dân và vì dân. Bắt đầu từ rất sớm trong việc thành lập bộ máy Nhà nước, Đảng nhân dân Cách mạng Lào đã kiên định các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với bộ máy nhà nước các cấp. Đây là nguyên tắc quyết định đến sự ổn định, bền vững của bộ máy nhà nước, đảm bảo sự hoạt động của bộ máy nhà nước đi đúng hướng, hiệu quả, bảo đảm bản chất của nhà nước chế độ dân chủ nhân dân;

- Nguyên tắc đảm bảo mọi quyền lực của dân, do dân và vì dân. Mọi

hoạt động của bộ máy nhà nước phải phục vụ nhân dân, tạo cho người dân có cuộc sống ấm no, lấy nhân dân là gốc, là lực lượng của quốc gia, phát huy tính tự chủ, dân chủ trong quá trình quản lý nhà nước.

- Nguyên tắc bảo đảm tập trung dân chủ. Trong hoạt động của bộ máy nhà nước phải đảm bảo sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động của đội ngũ cán bộ trong bộ máy nhà nước các cấp, phối hợp với việc phát huy sự sáng tạo của cán bộ ở các cơ quan nhà nước.

- Nguyên tắc đảm bảo tính pháp lý (tôn trọng và thi hành pháp lý). Trong hoạt động của bộ máy nhà nước, mọi tổ chức và cán bộ, công chức phải tôn trọng pháp luật và thực hiện nghiêm pháp luật, văn bản dưới luật trong mọi hoàn cảnh.

Các nguyên tắc trên được thể hiện rõ trong quá trình tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cũng như trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước và sau đó các nguyên tắc này đã được quy định trong Hiến pháp đầu tiên năm 1991 của CHDCND Lào.

3. Quan điểm của Đảng về cải cách bộ máy nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Quan điểm của Đảng về sự hình thành và cải cách bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân được thể hiện từ Đại hội II của Đảng (1972). Đảng đã xác định đường lối, chủ trương và nhiệm vụ cải cách và tăng cường quyền lực chính quyền dân chủ nhân dân. Sau đó, kể từ Đại hội IV (1986), Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện có nguyên tắc của Đảng. Đảng đã xác định quan điểm cơ bản có hệ thống toàn diện về việc hoàn thiện bộ máy nhà nước các cấp để đảm bảo cho quá trình cải cách phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng và điều kiện thực tế của đất nước trong việc tiến hành sự nghiệp đổi mới. Những quan điểm cơ bản của Đảng trong việc hoàn thiện bộ máy nhà nước được thể hiện như sau:

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp.

- Thực hiện sự phân cấp, phân công, giao trách nhiệm giữa cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, đồng thời

thực hiện chế độ kiêm nhiệm (cả về tổ chức và nhân sự);

- Tuyển dụng và sắp xếp cán bộ, những người có đủ đạo đức cách mạng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, có năng lực vào giữ trách nhiệm trong bộ máy nhà nước;

- Xác định rõ chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, ngành và các tổ chức của nhà nước các cấp.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ, phân cấp, phối hợp và hoạt động thông suốt có hiệu quả.

- Các tổ chức nhà nước phải có cơ cấu hợp lý, không chồng chéo, có hệ thống thứ bậc khoa học tạo cho bộ máy hoạt động thuận lợi, thông suốt và nhuần nhuyễn.

- Phải có cơ sở vật chất và phương tiện cần thiết để đảm bảo cho việc cải cách và hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Phải bố trí cán bộ, công chức có

đủ tiêu chuẩn vào đảm nhiệm các chức danh và công việc cụ thể.

II. Thực trạng cải cách bộ máy nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

1. Quá trình cải cách bộ máy nhà nước

Tổ chức bộ máy nhà nước CHDCND Lào trong thời gian qua được cải thiện phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng, thể hiện rõ trong các kỳ đại hội của Đảng và thực tế hoạt động trong từng giai đoạn.

- Giai đoạn từ 1975-1986, bộ máy nhà nước được thành lập và hoàn thiện theo định hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội theo Nghị quyết Đại hội II, III của Đảng.

Đảng đã tập trung cải cách bộ máy nhà nước các cấp để tạo sức mạnh cho việc bảo vệ thành quả cách mạng và phát triển kinh tế - xã hội theo cơ chế tập trung quan liêu, làm cho bộ máy nhà nước, nhất là các cơ quan hành pháp các cấp trở nên công kênh, với nhiều đầu mối, gồm có 4 cấp: Cấp Trung ương; cấp tỉnh; cấp huyện và xã. Các cấp chính quyền đã

Tổ chức bộ máy nhà nước CHDCND Lào trong thời gian qua được cải thiện phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng, thể hiện rõ trong các kỳ đại hội của Đảng và thực tế hoạt động trong từng giai đoạn.

thành lập Ủy ban nhân dân gồm: Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban hành chính cấp tỉnh, thủ đô, Ủy ban hành chính cấp huyện và Ủy ban hành chính cấp xã. Đồng thời ở các cấp hành chính đều tổ chức Hội đồng nhân dân 4 cấp (cấp Trung ương có Hội đồng nhân dân tối cao; cấp địa phương có Hội đồng nhân dân tỉnh, thủ đô, huyện và xã).

- Giai đoạn từ 1986-1991: Tiến hành cải cách bộ máy hành chính các cấp theo Nghị quyết Đại hội IV của Đảng phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện có nguyên tắc của Đảng, nhất là đổi mới về kinh tế, chuyển đổi từ chế độ tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường; tiến hành hoàn thiện bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, phù hợp và hiệu quả.

- Kể từ năm 1991 đến nay, bộ máy nhà nước các cấp đã được hoàn thiện theo đúng đường lối đổi mới toàn diện có nguyên tắc của Đảng thể hiện qua các kỳ đại hội V, VI, VII, VIII, IX và X, làm cho bộ máy nhà nước “tinh gọn, phù hợp và hiệu quả”, “từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền”; “bộ máy nhà nước

vững mạnh, có đủ khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình”; “bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch và vững mạnh”.

2. Thành tựu và vấn đề đặt ra trong hoạt động của bộ máy nhà nước

2.1. Thành tựu

Bản Hiến pháp đầu tiên của CHD-CND Lào được ban hành vào năm 1991. Hiến pháp đã quy định rõ về chế độ chính trị, kinh tế - xã hội và hệ thống bộ máy nhà nước CHDCND Lào. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan quyền lực Nhà nước bao gồm: Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hành chính địa phương. Đây là văn bản pháp lý đầu tiên xác định rõ về hành chính của CHDCND Lào. Đồng thời đến nay, Nhà nước đã ban hành được hơn 130 văn bản luật và hàng ngàn văn bản dưới luật làm công cụ quản lý trong tổ chức, hoạt động và hoàn thiện bộ máy nhà nước các cấp cho phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và văn bản dưới luật.

Hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được đảm bảo

và phát huy bằng Hiến pháp và pháp luật, quyền tự chủ, dân chủ của nhân dân được đảm bảo và phát huy theo pháp luật.

Đổi mới hoạt động của Nhà nước CHDCND Lào theo hướng tiếp tục xây dựng và phát huy chế độ dân chủ nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước các cấp từng bước được cải thiện, phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng và tình hình thực tế của đất nước với việc sắp xếp và bố trí lại cơ cấu, nhân sự, lề lối làm việc, cơ chế phối hợp theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, nhanh chóng, có hiệu quả.

- Cơ quan lập pháp có sự thay đổi về tên gọi từ Hội đồng nhân dân tối cao thành Quốc hội trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa III (1992), là cơ quan đại diện cho quyền và lợi ích của nhân dân các bộ tộc. Từ Quốc hội khóa III (1992) đến Quốc hội khóa VII (2015), Nước CHDCND Lào chỉ có một cấp Quốc hội, ở địa phương chưa có hội đồng nhân dân, chỉ có đại biểu Quốc hội hoạt động ở các đơn vị lãnh thổ bầu cử. Hội đồng

nhân dân cấp tỉnh, huyện và xã được thành lập trước đây bị giải tán. Đến Quốc hội khóa VIII (2016), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh một lần nữa đã được thành lập, do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là để tạo sự cân đối về quyền lực của Trung ương và địa phương, giao cho Hội đồng nhân dân - cơ quan đại diện của nhân dân, do nhân dân bầu trực tiếp được gần gũi với nhân dân; tạo cho bộ máy quyền lực nhà nước ở địa phương phù hợp với quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Hội đồng nhân dân tỉnh được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Cơ quan hành pháp có sự thay đổi về tên gọi từ Hội đồng Bộ trưởng thành Chính phủ (sau khi ban hành Hiến pháp năm 1991), trở thành cơ quan hành pháp và thống nhất toàn quốc.

- Bộ máy tham mưu của cơ quan lập pháp và tư pháp đã được cải thiện và lớn mạnh về tổ chức, nhân sự, lề lối làm việc, ngân sách, cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Nhất là trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sắp xếp, bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, chuyên môn,

kinh nghiệm vào các chức danh quan trọng để đảm bảo tốt việc hoạt động đối nội và đối ngoại của hai cơ quan nhà nước nêu trên.

- Bộ máy hành chính địa phương: Hiến pháp CHDCND Lào (1991) xác định đơn vị hành chính địa phương có 3 cấp: tỉnh, huyện và bản. Đơn vị hành chính địa phương được cải thiện bằng cách xóa bỏ Ủy ban hành chính nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban hành chính cấp huyện và Ủy ban hành chính cấp xã, chuyển sang chế độ thủ trưởng: tỉnh trưởng, huyện trưởng và trưởng bản cho phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, tạo sự nhanh chóng và kịp thời cho việc quản lý nhà nước.

Tại sao Đảng xóa bỏ Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã và xóa bỏ Ủy ban hành chính cấp tỉnh, huyện và xã. Thực tế đã cho thấy nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là để giảm bớt bộ máy công kênh, nhiều khâu trung gian, chồng chéo, triển khai công việc chậm chạp, hoạt động không hiệu quả và tốn kém về kinh phí.

- Cải thiện mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước ở Trung

ương và địa phương theo nguyên tắc quản lý theo ngành dọc có sự phối hợp với ngành ngang, phân cấp quản lý bằng cách đề ra nghị quyết của Bộ Chính trị (1993), pháp luật, chỉ thị... để xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm, đảm bảo cho quyền lực nhà nước các cấp được phát huy hiệu lực và hiệu quả.

- Cơ quan tư pháp bao gồm Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, có hệ thống tổ chức bộ máy từ Trung ương đến cấp huyện và ở các cơ quan trong lực lượng vũ trang cũng được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Cải cách tổ chức và nhân sự các cấp trong hệ thống tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân cấp Trung ương, cấp miễn, cấp tỉnh và cấp khu vực nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và phù hợp với thực tế về địa lý, đơn vị lãnh thổ, công dân và sự cần thiết. Viện kiểm sát nhân dân có sự thay đổi về tên gọi từ Tiểu ban Viện kiểm sát thành Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2001). Tất cả sự thay đổi trên là để đảm bảo trong việc xét xử vụ án cho nhân dân, nhanh chóng, trong sạch, công bằng,

tạo sự tin tưởng và sự tôn trọng đối với người dân.

- Quá trình cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước các cấp nêu trên là nhằm mục đích tạo sự ổn định, bền vững về cơ cấu, nhân sự, lễ lối làm việc đúng đắn, hợp lý cho bộ máy nhà nước được hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất trên nguyên tắc tập trung dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật có hiệu quả.

2.2. Vấn đề đặt ra trong cải cách bộ máy nhà nước

Đi đôi với thành tựu đạt được nêu trên, trong cải cách bộ máy nhà nước còn một số bất cập như:

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước, ba cơ quan quyền lực nhà nước: lập pháp, hành pháp và tư pháp, cơ bản phù hợp với một nước nhỏ, kém phát triển, dân số ít. Tuy nhiên, trong cải cách bộ máy nhà nước vẫn chưa nghiên cứu sâu về thiết kế cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của Đảng và thực tiễn của đất nước, chưa có giải đáp khoa học trong vấn đề này.

Quốc hội khóa VIII, tổ chức bộ máy được thiết lập một cách có hệ thống (có 7 ủy ban, ban thư ký, các cơ quan tham mưu giúp việc). Có một số ủy ban như: Ủy ban pháp luật, Ủy ban văn hóa - xã hội chưa có sự cân đối giữa tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn (tổ chức nhỏ, chức năng lớn, rộng), cần phải cải cách lại trong nhiệm kỳ Quốc hội tới, có thể thành lập thêm ủy ban hoặc sáp nhập.

Ở địa phương, hội đồng nhân dân tỉnh (không phải là ngành dọc của Quốc hội), không có hội đồng cấp huyện và bản; mô hình như thế nào đã phù hợp chưa trong điều kiện hiện nay, trong trước mắt và lâu dài.

Chính phủ có kết cấu tổ chức bộ máy có hệ thống (gồm 18 bộ, 3 cơ quan ngang bộ), số lượng của tổ chức bộ máy như thế này đã phù hợp chưa, nên có thể cải cách, tách, nhập như thế nào, nhất là cấp bộ, bộ máy tham mưu giúp việc có chức năng gần nhau, giống nhau, chồng chéo.

Ở địa phương, bộ máy hành chính nhà nước được thành lập theo cơ

quan hành chính Trung ương đến cấp huyện, tuy nhiên nhìn chung bộ máy tham mưu giúp việc ở cấp huyện hoạt động chưa có chất lượng đúng theo chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, có nên thành lập bộ máy kiểu bắt chước như vậy không ở cấp huyện.

Cơ quan hành chính cấp bản, bản là một đơn vị hành chính cấp địa phương, tuy nhiên nhân sự đảm bảo trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chính trị trong hệ thống chính trị cấp cơ sở lại không phải là công chức của nhà nước, không có lương, chỉ có trợ cấp ít ỏi. Đơn vị hành chính cấp tỉnh nhiều nơi, nhất là ở nông thôn không thể hoạt động được, nên cần cải cách như thế nào cho phù hợp.

- Về pháp lý: đã có Hiến pháp và pháp luật, có nghị định quy định rõ về tổ chức và hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước các cấp, tuy nhiên việc xác định vị trí, chức năng, sự phân cấp, phân công và việc thực hiện theo quyền hạn của mình, vẫn tồn tại một số bất cập, chưa thực hiện đầy đủ, xác định chưa rõ ràng, chưa phối hợp nhuần nhuyễn và thống nhất, có sự chồng chéo và đẩy trách

nhiệm, nhất là cơ quan hành chính các cấp, cơ quan hành chính chưa chuyển đổi theo hướng gọn nhẹ, phù hợp và hiệu quả.

Việc ban hành và sửa đổi bổ sung pháp luật có sự tiến bộ, tuy nhiên một số văn bản pháp luật có sự vội vàng trong ban hành, chưa xem xét kỹ giữa việc xây dựng pháp luật với văn bản dưới luật, cho nên một số pháp luật đã ban hành chưa thật sự đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, dẫn đến tình trạng sửa đổi, bổ sung sớm. Việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, giải quyết các vấn đề tiêu cực chưa có hiệu lực, thực hiện chưa nghiêm và kịp thời.

- Về phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, nhất là về cung cấp ngân sách, quản lý dự án đầu tư, việc bố trí, phân chia lợi ích chưa phù hợp, vẫn còn hiện tượng tập trung quyền lực ở Trung ương, làm cho cơ quan hành chính địa phương, nhất là cấp huyện - xây dựng thành đơn vị vững mạnh toàn diện gặp nhiều khó khăn. Việc quản lý theo ngành dọc và sự phối hợp quản lý theo ngành

ngang ở địa phương chưa thống nhất và thông suốt.

- Về cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy nhà nước các cấp nhiều về số lượng nhưng chất lượng chưa đảm bảo, phong cách làm việc chậm chạp, chưa toàn tâm toàn ý vào công việc chung, cán bộ có tình trạng quan liêu, nhận hối lộ, tham nhũng. Đồng thời việc quản lý, sử dụng, chính sách đối với cán bộ, nhất là về chế độ tiền lương, trợ cấp của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ còn hạn chế, chưa phù hợp.

- Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc tổ chức bộ máy nhà nước chưa sâu sát, đôi khi buông lỏng hoặc xảy ra tình trạng chông chéo về thực hiện quyền lực nhà nước trong quá trình quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

Những vấn đề nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân là do đội ngũ cán bộ chưa nhận thức đúng và nắm vững chức năng trong thực hiện quyền lực nhà nước ở các cấp, chưa tự chủ phấn đấu, trải nghiệm, rèn luyện bản thân và đồng thời hạn

chế về ngân sách, phương tiện, cơ sở vật chất trong quá trình thực hiện chính sách.

2.3. Một số kinh nghiệm rút ra trong cải cách bộ máy nhà nước

Qua quá trình cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Quán triệt, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng nói chung, trong đó phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng, phương châm, nguyên tắc và nội dung trong việc cải cách bộ máy nhà nước. Đây là vấn đề cơ bản trong tiến hành cải cách bộ máy nhà nước các cấp đi đúng hướng theo mục tiêu của Đảng đặt ra.

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn, xúc tiến và giúp giải quyết vấn đề một cách sâu sắc, kịp thời. Đây được coi là yếu tố quyết định trong cải cách bộ máy nhà nước các cấp.

- Xây dựng và sửa đổi bổ sung pháp luật, các văn bản dưới luật liên quan đến việc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước trong điều kiện cần

thiết, đảm bảo cho bộ máy nhà nước được tổ chức, hoạt động đúng theo chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ một cách an toàn và ổn định.

- Tuyển dụng và bố trí cán bộ, công chức, lựa chọn những người có đủ phẩm chất đạo đức, trung thành với sự nghiệp đổi mới, người có đủ năng lực vào đảm bảo các chức danh trong bộ máy nhà nước. Đây là yếu tố đảm bảo cho quá trình cải cách bộ máy nhà nước đi đúng theo hướng gọn nhẹ, trong sạch, vững mạnh, hiệu quả và đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước.

- Cung cấp ngân sách, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, chính sách xúc tiến cho công tác cải cách bộ máy nhà nước, nhất là cấp địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ máy nhà nước được hoạt động trôi chảy và hiệu quả.

III. Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh và phù hợp với thực tiễn đất nước

Nghị quyết Đại hội Đảng đã đề ra phương hướng chung và yêu cầu phát triển đất nước, theo đuổi mục tiêu trước mắt và lâu dài. Trong đó,

“tạo sự ổn định cho Nhà nước dân chủ nhân dân quản lý nhà nước bằng pháp luật”, “tăng cường pháp lý trong nền hành chính và tăng hiệu quả trong quản lý nhà nước...”, “trên cơ sở kiên định nguyên tắc: Đảng lãnh đạo và nắm quyền lực theo pháp luật, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, nhân dân tự chủ, công bằng trước pháp luật...”. Cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh và phù hợp với thực tiễn là để đáp ứng cho phương hướng chung và yêu cầu trong việc tạo sự ổn định cho nhà nước dân chủ nhân dân. Cải cách bộ máy nhà nước Trung ương và địa phương cần tập trung một số vấn đề sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu bộ máy quyền lực nhà nước: lập pháp, hành pháp, tư pháp và bộ máy hành chính địa phương cho phù hợp với Hiến pháp (sửa đổi bổ sung 2015), trên nền tảng kiên trì phương châm, nguyên tắc và nội dung cải cách bộ máy nhà nước do Đảng xác định.

2. Về tổ chức, các cơ quan nhà nước cần thiết lập cơ cấu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, không

phình to, không công kênh, chồng chéo, bộ máy phải gọn nhẹ, hợp lý và hiệu quả. Tránh tình trạng phình to, biên chế nhiều, hiệu quả thấp như thời gian qua. Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh nên hoàn chỉnh, cải cách bộ máy toàn diện và nâng cao trình độ, sửa đổi bổ sung các văn bản pháp lý cho phù hợp, cải cách cơ chế phối hợp nội bộ và phối hợp bên ngoài cho thông suốt, để có thể thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan theo pháp định quy định. Chính phủ và cơ quan hành chính địa phương nên cải cách bộ máy quản lý nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; cải cách thể chế hành chính nhà nước cho phù hợp, đào tạo bồi dưỡng và bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ cho tương xứng với chức danh và trách nhiệm của từng bộ phận. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp nên tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy toàn diện, tạo được sức mạnh, quan tâm đến sự phát triển đội ngũ cán bộ cả hai cơ quan về số lượng và chất lượng, tăng cường giáo dục phẩm chất chính trị, phẩm

chất đạo đức, lối sống, chuyên môn, lý luận chính trị - hành chính, có khả năng xét xử các vụ án nhanh chóng, trong sạch, đúng đắn và công bằng trong xã hội.

3. Về thể chế, tiếp tục xây dựng, sửa đổi bổ sung văn bản pháp luật và văn bản dưới luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, xác định cụ thể, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ chế phối hợp trên nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự lãnh đạo của Đảng. Cải cách phân cấp rõ ràng hơn về bộ máy và nhân sự ở Trung ương và địa phương; Trung ương có thể chịu trách nhiệm về việc xác định các tiêu chí, chính sách, thể chế chung và kiểm tra giám sát trong việc tổ chức thực hiện, còn địa phương tự chủ trong việc cải cách bộ máy và sắp xếp công chức dựa trên tiêu chí, thể chế của Trung ương để ra. Các bộ, cơ quan ngang bộ, khi tiến hành phân công, chuyển giao cán bộ và ngân sách cho địa phương phải làm cho tổ chức bộ máy, biên chế và ngân sách giảm xuống; các bộ và các ngành Trung ương phải nâng cao năng lực cán bộ

ở địa phương có đủ khả năng thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ và trách nhiệm được giao theo sự phân cấp quản lý.

4. Về nhân sự, tiếp tục xác định tiêu chuẩn cán bộ, xác định số lượng và chức danh cụ thể, phù hợp với công việc trong thực tế, làm cho bộ máy nhà nước và công chức có sự cân đối trong công việc, không để xảy ra tình trạng cán bộ vừa thiếu vừa thừa (cán bộ nhiều hơn công việc), phải dứt khoát trong việc loại trừ cán bộ không đủ tiêu chuẩn, không đủ trách nhiệm, không tận tụy với công việc, hoạt động vì lợi ích cá nhân (hối lộ, quan liêu, tham nhũng...), vi phạm pháp luật ra khỏi tổ chức và thực hiện nghiêm theo pháp luật. Trong công tác đào tạo cán bộ phải tập trung đào tạo cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có năng lực, có lối sống trung thực, trung thành với nghề, có tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân; xây dựng cán bộ kế thừa trong các chức danh, đảm bảo về giới tính, dân tộc, cơ cấu cán bộ đủ 3 loại và trẻ hóa. Tiến hành quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý,

đảm bảo tiêu chuẩn chức danh; đào tạo cán bộ chuyên môn, cán bộ kỹ thuật, tập trung rèn luyện, tập huấn, nghiên cứu chuyên sâu để trở thành chuyên gia, có kinh nghiệm. Tiếp tục thực hiện chính sách cán bộ cho phù hợp. Các cấp ủy đảng phải tiến hành kiểm tra, thu thập thông tin, danh sách cán bộ lão thành cách mạng, người có công đối với Tổ quốc; tiếp tục thực hiện chính sách phát huy hiệu quả của cán bộ về hưu; cải cách cơ chế chính sách đối với cán bộ lãnh đạo quản lý cho phù hợp. Cải cách tiền lương cán bộ theo chức danh đảm nhiệm công việc cụ thể; từng bước đưa các khoản trợ cấp khác vào trong hệ thống lương.

Tóm lại, qua thực tế cho thấy, việc tiến hành cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước gọn nhẹ, trong sạch, vững mạnh và phù hợp với thực tiễn đất nước là vấn đề cấp bách. Nếu thực hiện tốt công việc này sẽ góp phần triển khai các nghị quyết của Đảng có hiệu quả. Ngược lại, nếu coi nhẹ hoặc buông lỏng sẽ tác động đến bộ máy nhà nước hoạt động yếu kém, gây hại cho đất nước ■



THỰC HIỆN CƠ CHẾ ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ, NHÂN DÂN LÀM CHỦ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THẢO

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”

Mặc dù đã sớm được khẳng định, tuy nhiên, việc nhận thức và thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” ở Việt Nam là một quá trình. Cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, không phải ngay từ đầu, ở đâu và lúc nào, việc nhận thức và thực hiện cơ chế tổng thể nêu trên cũng rõ ràng, đầy đủ và đúng đắn. Bước vào thời kỳ đổi mới, Việt Nam chuyển từ thời kỳ thực hiện cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường

định hướng XHCN, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung với hai thành phần kinh tế chủ yếu là nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nên việc nhận thức và thực hiện cơ chế đó thời kỳ đầu có nhiều khó khăn, hạn chế. Từ chỗ chưa tách bạch thật rõ vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước, tư duy tổ chức đảng bao biện, làm thay khá phổ biến trong vận hành của hệ thống chính trị, qua những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và vai

trò làm chủ của nhân dân đã dần được làm sáng tỏ hơn. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH (1991) đã chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Cùng với việc nhấn mạnh vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng,

Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH (1991) đã chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Cương lĩnh cũng đã chỉ rõ vai trò và trách nhiệm quản lý của Nhà nước theo tư duy mới, đó là “Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác...

Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước” Đảng ta khẳng định, Nhà nước là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, do đó Nhà nước phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Cần sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước.

Quá trình thực hiện đường lối đổi mới, cơ chế vận hành tổng thể của hệ

thống chính trị vẫn tiếp tục đặt ra những yêu cầu cần làm sáng tỏ hơn nữa. Trong đó, vấn đề mấu chốt vẫn là phân định vai trò, trách nhiệm, cơ chế thực thi quyền và trách nhiệm của từng thành viên trong hệ thống chính trị. Đại hội XI (2011) của Đảng xác định cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” là một trong các mối quan hệ lớn cần phải làm sáng tỏ trong quá trình đổi mới đi lên CNXH. Bởi đây là cơ chế có mối quan hệ đặc biệt, cốt yếu nhất giữa ba chủ thể có vai trò quan trọng nhất của thể chế chính trị Việt Nam. Yêu cầu phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước cũng như mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ vẫn tiếp tục được đặt ra một cách cấp thiết. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định các nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, đồng thời bổ sung phương thức Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong

các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Về bản chất của Nhà nước, Cương lĩnh khẳng định: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”.

Cùng với yêu cầu làm sáng tỏ nội dung cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, việc nhận thức, xác định vị trí của mỗi chủ thể trong cơ chế tổng thể này cũng được đặt ra. Trong quá trình nghiên cứu, thảo luận, có nhiều ý kiến khác nhau về vị trí, thứ tự của từng chủ thể khi đề cập đến cơ chế

tổng thể này. Có ý kiến cho rằng, phải đặt “nhân dân làm chủ” lên vị trí hàng đầu vì tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ và nhân dân làm chủ. Đảng là hạt nhân lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nên “Đảng lãnh đạo” ở vị trí trung tâm. Ý kiến khác cho rằng, Nhà nước là trụ cột, trung tâm của hệ thống chính trị, mọi quan hệ xã hội đều phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật, tức phải chịu sự quản lý của Nhà nước, nhất là hiện nay, khi Việt Nam đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, vậy nên, phải đặt “Nhà nước quản lý” lên trên, lên trước hết.

Thực tế cho thấy, khó có thể nhấn mạnh, khẳng định một cách tuyệt đối vai trò, tầm quan trọng của chủ thể nào trong mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Giữa ba chủ thể trên có quan hệ hết sức chặt chẽ, thống nhất biện chứng với nhau, là tiền đề của nhau, đều có vai trò quan trọng, không thể thiếu và có thể tùy tiện, tuyệt đối hoá vị trí, vai trò của bất cứ chủ thể nào. Tuy nhiên, xét theo trình tự, quy trình ban hành và tổ chức thực hiện chủ

trương, đường lối chính sách ở một nước do Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền lãnh đạo, đồng thời, xét trên phương diện trách nhiệm và quyền lợi, mục đích lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, mục tiêu quản lý của Nhà nước, tất cả cũng đều vì lợi ích của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân thì việc sắp xếp vị trí, xác định vai trò, quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong cơ chế vận hành tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là phù hợp.

2. Thực trạng vận hành cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” ở Việt Nam và một số kinh nghiệm

Có thể nói, với việc thực hiện vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể trong cơ chế tổng thể “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, thể chế chính trị Việt Nam đã vận hành một cách thông suốt, có sự ổn định, tiếp tục được củng cố và phát triển.

(1) Với vai trò cầm quyền và lãnh đạo, bằng chủ trương, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, Đảng

Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam giành những thắng lợi và thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đến nay, Đảng đã khẳng định và xác lập các phương pháp, cách thức lãnh

đạo Nhà nước và xã hội một cách chắc chắn, rõ ràng. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục; bằng công tác tổ chức, kiểm tra, giám sát và

bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị. Hệ thống tổ chức đảng được thiết lập tương ứng với hệ thống tổ chức nhà nước. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa

vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành bại của

Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục; bằng công tác tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

cách mạng. Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền là vì lợi ích của nhân dân. Đảng lãnh đạo là yếu tố tiên quyết đảm bảo cho sự vận hành có hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Trong những năm đổi mới, tổ chức bộ máy các cơ quan đảng được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn. Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng quy chế, quy định, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đảng đã ban hành

nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Đảng có những đổi mới trong việc ra nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Với những kết quả đó, Đảng đã giữ vững được bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thắng lợi và thành tựu, thực tiễn lãnh đạo của Đảng trong cơ chế vận hành tổng thể của hệ thống chính trị đã diễn ra các khuynh hướng: cấp ủy đảng lấn sân, bao biện, làm thay công việc của chính quyền; cấp ủy đảng

buông lỏng vai trò, trách nhiệm lãnh đạo; hoặc cấp ủy, tổ chức đảng không thể hiện đúng, đầy đủ vai trò, trách nhiệm là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị và lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội. Tổ chức bộ máy của Đảng còn chồng chéo, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ ở một số tổ chức còn chồng chéo. Mô hình tổ chức đảng ở một số lĩnh vực chưa thật hợp lý. Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, tổ chức gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức kết quả còn thấp. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng; chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền; chưa thật sự phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; một số nghị quyết nội dung thiếu tính khả thi, chưa tính kỹ nguồn lực và điều kiện thực hiện. Nhiều cấp ủy đảng chưa

thật tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; một số nghị quyết chậm đi vào cuộc sống.

(2) Qua hơn 30 năm đổi mới, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, đánh dấu giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp xây dựng nhà nước kiểu mới - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước đã có một bước điều chỉnh theo yêu cầu của quá trình chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy nhà nước từng bước được cơ cấu lại, tăng cường vai trò, trách nhiệm của cộng đồng; mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân dần chuyển từ tư duy lãnh đạo, quyền uy - phục tùng sang tư duy về nhà nước phục vụ; phân định rõ nhiệm vụ quản lý, định hướng của Nhà nước với vai trò sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền XHCN được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có bước phát triển. Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định.

Tuy nhiên, chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế,

làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém. Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển.

(3) Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ XHCN, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân được nâng lên. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn

trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau. Hệ thống chính trị đã coi trọng việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết.

Tuy nhiên, nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi và nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Từ việc xây dựng và thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ ở Việt Nam những năm qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo tồn tại và sự vận hành của cơ chế. Bản thân cơ chế vận hành tổng thể của hệ thống chính trị nước ta cũng là một nguyên tắc lớn. Để cơ chế đó vận hành có hiệu quả, vấn đề trước tiên và cũng là vấn đề xuyên suốt cần quán triệt là phải kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc là: khẳng định rõ vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền của Đảng, kiên định và xác lập nội dung, phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; nhân dân là chủ và nhân dân làm chủ thông qua các cơ chế, quy chế, quy định của pháp luật.

Hai là, phân định rõ vai trò, quyền, trách nhiệm của các chủ thể, các thành viên của hệ thống chính trị. Các chủ thể trong cơ chế tổng thể có vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm khác nhau. Để khắc phục tình trạng lấn sân, bao biện, làm thay, đồng thời khắc phục tình trạng buông lỏng lãnh đạo, quản lý, hoặc lộng quyền, lạm quyền, dân chủ quá

trớn khi thể hiện vai trò, trách nhiệm và các quyền làm chủ của mình, điều kiện tiên quyết là phải phân định rõ vai trò, quyền và trách nhiệm của mỗi chủ thể, mỗi thành viên trong hệ thống chính trị và đối với cả người dân.

Ba là, hoàn thiện các quy chế, quy định của Đảng, hệ thống pháp luật và các thiết chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm các quy chế, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy chế, điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội không chồng chéo, mâu thuẫn nhau. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và Đảng cầm quyền bằng pháp luật, nhân dân làm chủ trên cơ sở pháp luật thì việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật và quy chế, quy định điều chỉnh hoạt động của Đảng có vai trò quyết định hiệu lực, hiệu quả vận hành cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

Bốn là, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng đồng bộ, thống nhất. Cơ chế không chỉ là những quy chế, quy định tạo hành lang cho hoạt động

của tổ chức mà còn bằng chính bản thân tổ chức, bằng kết cấu, thiết kế tổ chức. Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ không có nghĩa là thực hiện sự hoạt động độc lập tuyệt đối, mỗi chủ thể một hệ thống tổ chức bộ máy hoạt động riêng biệt, mà các chủ thể có thể thống nhất với nhau về mặt tổ chức, bộ máy, nhân lực lãnh đạo ở một cấp, một bộ phận nhất định. Vì vậy, khi xây dựng và vận hành cơ chế cần chú ý kiện toàn tổ chức bộ máy, không hành chính hóa các cơ quan Đảng, Đoàn thể, đồng thời cũng không “đảng hóa” cơ quan nhà nước và không để người dân phải đóng thuế nuôi tổ chức bộ máy Đảng, Nhà nước quá công kênh.

Năm là, lấy dân làm gốc, dựa và dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Lấy lợi ích của nhân dân là cơ sở động lực hoạt động, vận hành của cơ chế. Cơ sở nền tảng của cơ chế vận hành tổng thể của hệ thống chính trị chính là bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Đó cũng chính là thước đo mức độ đúng đắn, sát hợp của mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước. Xa rời mục tiêu và cơ sở nền tảng đó, bản chất của Đảng, Nhà nước và tính khoa học, cách mạng trong cơ chế vận hành của hệ thống chính trị sẽ phai nhạt, mất giá trị đích thực.

3. Giải pháp thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”

(1) Nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”

Để góp phần làm rõ cơ sở khoa học của cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, trả lời cho câu hỏi đây là một khẩu hiệu chính trị hay là một cơ chế vận hành tổng thể thực sự của hệ thống chính trị Việt Nam, chúng ta cần xem xét tính biện chứng, tính chặt chẽ, thống nhất giữa các chủ thể của mối quan hệ này.

Với vai trò, trách nhiệm của Đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng lãnh đạo để định hướng, dẫn dắt sự nghiệp cách mạng, xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng XHCN,

hướng tới xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng lãnh đạo để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, Nhà nước quản lý xã hội có hiệu lực, hiệu quả bằng pháp luật.

Đảng lãnh đạo để phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, khai thác và phát huy có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của đất nước, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế. Đảng lãnh đạo để đảm bảo đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân

dân, đảm bảo tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân được phát huy quyền làm chủ thực sự của mình.

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội

bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước thể chế hoá các quan điểm, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng thành các chính sách, pháp luật, các chương trình, kế hoạch hoạt động và quản lý xã hội

theo Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện quản lý nhà nước nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Sự quản lý của Nhà nước không trái với các chủ trương, đường lối, nghị quyết, quy định của Đảng; đồng thời cũng không hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Sự quản lý của Nhà nước

một mặt nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối, quan điểm chính trị của Đảng; mặt khác đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch mọi hoạt động trong đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, Đảng lãnh đạo, Nhà

nước quản lý cũng đều nhằm mục tiêu thực thi quyền làm chủ của nhân dân. Nhân dân làm chủ vừa là một thành tố không thể tách rời trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, vừa là mục tiêu cao nhất khi triển khai cơ chế đó trong thực tiễn.

Sợi dây xuyên suốt, chất keo “kết dính”, yếu tố bảo đảm duy trì một cách tự nhiên sự vận hành và mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong cơ chế vận hành tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam chính là ở: sự thống nhất trong mục tiêu, lý tưởng của Đảng, mục tiêu lãnh đạo, quản lý của Nhà nước; ở bản chất của Đảng và Nhà nước ta; ở đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; ở mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

(2) Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện các quy chế, quy định về tổ chức, hoạt động của Đảng

Một là, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu

của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Hai là, tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng. Gắn đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn

thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, cơ chế mới trong công tác cán bộ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp. Đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ để lựa chọn những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có

trách nhiệm với dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân. Kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước. Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, dứt điểm việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; đổi mới cách thức quán triệt, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bảo đảm tính hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng.

(3) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước

Trong những năm tới phải đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội. Cần xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước cần phải được tổ chức gọn nhẹ, rõ ràng về chức năng, cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương

phải tạo điều kiện để người dân dễ tiếp cận, dễ đối thoại, dễ kiểm tra, giám sát; huy động được tối đa trí tuệ, sáng kiến và sự đóng góp của người dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

(4) Hoàn thiện cơ chế dân chủ, nâng cao năng lực làm chủ của nhân dân

Tập trung xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến quyền làm chủ của người dân. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, quy chế, quy định để người dân được phát huy quyền làm chủ của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng, Nhà nước phải bảo đảm và phát huy được quyền làm chủ thực sự của người dân, nhất là quyền tham gia xây dựng đường lối, chính sách, quyền lựa chọn người đại diện cho mình và quyền sở hữu tài sản hợp pháp. Đổi mới nhận thức và hành động về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước nhân dân, trong đó phải đặt người dân vào trị trí trung tâm trong mọi hoạt động của bộ máy Đảng, nhà nước, toàn bộ hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước phải được tổ chức trên nền tảng “phục vụ nhân dân” ■

GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Vừa qua, tại Văn phòng Trung ương Đảng, Thường trực Tổ biên tập Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tổ chức tọa đàm với đại diện lãnh đạo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và lãnh đạo một số doanh nghiệp tư nhân. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thường trực Tiểu ban Văn kiện chủ trì.

Phát biểu ý kiến tại tọa đàm, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đánh giá, khu vực kinh tế tư nhân đã đóng góp lớn vào phát triển chung của nền kinh tế, đồng thời khẳng định, đây chính là động lực để khai thác, khơi dậy mọi nguồn lực trong nhân dân cho sự phát triển đất nước. Đồng chí đề nghị, trên tinh thần thẳng thắn, các đại biểu đánh giá khái quát, nêu rõ vấn đề cốt lõi về những kết quả đạt được; đi sâu phân tích những bất cập, hạn chế, khó khăn, trở ngại đối với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, hiến kế để Đảng và Nhà nước điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp, tháo gỡ vướng mắc.

Tại tọa đàm, đại diện VCCI và các doanh nghiệp đã đánh giá thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân; nhận thức rõ quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng; xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, có trách nhiệm xã hội, đạo đức và văn hóa kinh doanh. Một số ý kiến cho rằng, khu vực kinh tế tư nhân vẫn đang gặp các khó khăn về nhận thức, khung khổ pháp luật, cơ chế, chính sách và thực thi cơ chế, chính sách, môi trường kinh doanh... Các đại biểu đề xuất, kiến nghị nhiều giải pháp, những việc cần triển khai để khu vực kinh tế tư nhân tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, có năng lực cạnh tranh và tác động tích cực tới các khu vực kinh tế khác và toàn bộ nền kinh tế ■